

Bản án số: 06/2017/DS-ST
Ngày: 16-01-2018
“*V/v: T/c hợp đồng góp hụi*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng;

2. Bà Nguyễn Thị Rạt;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Thanh Tú - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Còn - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 574/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2017/QĐXXST – DS ngày 29 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lại Ngọc T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: số 362, ấp L, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An. (có mặt)

2. *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1981, anh Phan Minh T, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An. (có đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/10/2017 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Lại Ngọc T trình bày: Ngày 05/3/2013 (âm lịch) vợ chồng anh Phan Minh T và chị Nguyễn Thị Tr có tham gia góp hụi do bà T làm chủ thảo. Hụi khai ngày 05/3/2013 và mãn ngày 05/12/2015, loại hụi 2.000.000đồng/tháng, có 34 hụi viên. Ngày 05/02/2014, anh T, chị Tr hốt hụi được số tiền 49.820.000đồng. Sau khi hốt hụi, anh T, chị Tr đã đóng hụi chết cho bà T được 07 lần được tổng số tiền 7.000.000đồng còn lại số tiền

34.000.000đồng thì anh T, chị Tr không đóng nữa. Nay bà T khởi kiện yêu cầu anh T, chị Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T 01 lần số tiền hụi còn thiếu là 34.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Tr, anh Phan Minh T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Tr có tham gia tổ tụng trình bày trong bản tự khai ngày 14/11/2017: thừa nhận năm 2013 chị Tr, anh T có tham gia góp hụi do bà T làm chủ thảo. Sau khi hốt hụi chị Tr có đóng hụi chết cho bà T được 07 lần với số tiền 7.000.000đồng. Chị Tr thừa nhận số tiền hụi còn nợ bà T là 34.000.000đồng. Nay trước yêu cầu của bà T thì chị Tr đồng ý trả số tiền hụi còn nợ là 34.000.000đồng nhưng vì hoàn cảnh đang gặp khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ. Vì bận công việc nên chị Tr có đề nghị xét xử vắng mặt.

Đối với anh Phan Minh T vắng mặt đã được tổng đạt hợp lệ nên Tòa án xét xử vắng mặt theo khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lại Ngọc T giữ nguyên ý kiến trình bày; không cung cấp thêm chứng cứ; không có yêu cầu gì khác.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án theo qui định tại Điều 262 BLTTDS năm 2015: Bà Lại Ngọc T cung cấp chứng cứ thể hiện chị Tr có tham gia góp hụi do bà Lại Ngọc T làm chủ thảo, chị Tr cũng thống nhất còn nợ bà T số tiền gốc là 34.000.000đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ, đề nghị này của chị Tr không được bà T đồng ý, còn anh T đã được tổng đạt nhưng cố tình vắng mặt. Do đó, đề nghị HĐXX tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lại Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2017, bà Lại Ngọc T căn cứ vào giấy ghi hụi năm 2013 và việc thừa nhận có nợ tiền hụi trong Biên bản giải quyết tranh chấp nợ hụi ngày 11/9/2016 của UBND xã L để yêu cầu anh Phan Minh T, chị Nguyễn Thị Tr trả số tiền nợ hụi 34.000.000đồng. Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là còn trong thời hiệu khởi kiện và xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”, việc thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 26, Điều 35 BLTTDS năm 2015.

[2]. *Về tố tụng:* Xét chị Nguyễn Thị Tr có đề nghị xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Tr là phù hợp theo qui định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với anh Phan Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh T biết việc bà Lại Ngọc T khởi kiện nhưng anh T cố tình không đến Tòa án để cung cấp ý kiến và cung cấp chứng cứ.

Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp theo qui định điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung vụ án:

Bà T cho rằng năm 2013, anh T, chị Tr có tham gia góp hụi do bà T là chủ thảo. Ngày 05/02/2014, anh T, chị Tr hốt hụi được 49.820.000đồng và đóng hụi chết được 07 lần với số tiền 7.000.000đồng, còn lại 34.000.000đồng thì anh T, chị Tr không đóng nữa. Nay bà T yêu cầu anh T, chị Tr liên đới trả cho bà T một lần số tiền 34.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Xem xét ý kiến trình bày của chị Nguyễn Thị Tr tại bản tự khai ngày 14/11/2017 thì chị Tr thừa nhận năm 2013, chị Tr và anh T có tham gia góp hụi do bà T làm chủ thảo. Chị Tr cũng thừa nhận còn nợ tiền góp hụi của bà T 34.000.000đồng nhưng chị Tr cho rằng đang gặp khó khăn, xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T khởi kiện có cung cấp giấy ghi hụi khai ngày 05/3/2013, chứng cứ này phù hợp với việc chị Tr thừa nhận còn nợ tiền hụi trong Biên bản giải quyết tranh chấp nợ hụi của UBND xã L ngày 11/9/2016 và ý kiến của chị Nguyễn Thị Tr tại bản tự khai ngày 14/11/2017, nội dung thể hiện chị Tr thống nhất còn nợ bà T số tiền hụi là 34.000.000đồng. Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định chị Nguyễn Thị Tr có tham gia góp hụi do bà Lại Ngọc T làm chủ thảo, chị Tr còn nợ bà T số tiền 34.000.000đồng. Xét ý kiến của chị Tr cho rằng vì hoàn cảnh gặp khó khăn xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng không được bà T chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Đối với yêu cầu anh Phan Minh T có nghĩa vụ liên đới trả nợ: Xét theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị Tr tại biên bản ghi lời khai ngày 26/12/2017 thì chị Tr thừa nhận chị và anh T là vợ chồng đang chung sống có 01 con chung tên Phan Nguyễn Nhật P sinh năm 2011 (chưa đăng ký kết hôn). Mặt khác, chị Tr cũng thừa nhận khi tham gia góp hụi và hốt hụi thì số tiền hụi chị Tr sử dụng vào mục đích trang trải cuộc sống sinh hoạt chung trong gia đình. Từ đó, xét bà T khởi kiện yêu cầu anh T, chị Tr liên đới trả một lần số tiền 34.000.000đồng là có căn cứ theo qui định tại các Điều 280, Điều 288, Điều 471, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên HĐXX chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc anh Phan Minh T, chị Nguyễn Thị Tr phải liên đới nộp án phí DSST sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 207, Điều 227, Điều 271 Bộ luật TTDS năm 2015;

Áp dụng các Điều 280, Điều 288, Điều 471 và khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lại Ngọc T về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” đối với chị Nguyễn Thị Tr và anh Phan Minh T.

Buộc chị Nguyễn Thị Tr và anh Phan Minh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lại Ngọc T số tiền nợ từ hợp đồng góp hụi là 34.000.000đồng (Ba mươi bốn triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) bên có nghĩa vụ chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

2. Về án phí: Buộc anh Phan Minh T và chị Nguyễn Thị Tr liên đới nộp 1.700.000đồng (*Một triệu bảy trăm nghìn đồng*) án phí DSST sung công quỹ Nhà nước. Anh chị Nguyễn Thị Tr và anh Phan Minh T chưa nộp.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa hoàn lại cho bà Lại Ngọc T số tiền 850.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001533 ngày 19/10/2017.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo xin xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

“Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Linh Duy

